VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ

(Tiếp theo Công báo số 715 + 716)

Phụ lục X

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ NỘI VỤ

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC TÔN GIÁO

1. Nhóm các thủ tục: Đề nghị cho cử chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ tham gia hoạt động tôn giáo hoặc đào tạo tôn giáo ở nước ngoài (mã TTHC: 2.000035); Đề nghị cho người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam (mã TTHC: 1.000092); Đề nghị chấp thuận cho tổ chức tôn giáo nước ngoài phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử cho tín đồ của tổ chức tôn giáo ở Việt Nam làm chức sắc, chức việc cho tổ chức tôn giáo ở nước ngoài (mã TTHC: 2.000241); Đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh (mã TTHC: 1.003884); Đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung (mã TTHC: 2.000040); Đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh (mã TTHC: 1.000102); Đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam

thực hiện hoạt động tôn giáo ở nhiều tỉnh hoặc hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo (mã TTHC: 2.000047); Đề nghị phong phẩm hoặc suy cử phẩm vị cho người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam (mã TTHC: 2.000248); Đề nghị tổ chức đại hội không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 45 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (mã TTHC: 1.003606); Đề nghị tổ chức hội nghị liên tôn giáo hoặc hội nghị có yếu tố nước ngoài về tôn giáo (mã TTHC: 1.003630); Đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh (mã TTHC: 2.000023); Đăng ký cho công dân Việt Nam được phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử ở nước ngoài về Việt Nam làm chức sắc, chức việc (mã TTHC: 2.000263); Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh (mã TTHC: 1.003761); Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (mã TTHC: 1.003795); Đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh (mã TTHC: 2.001626); Đăng ký sửa đổi quy chế tổ chức và hoạt động hoặc quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo tôn giáo (mã TTHC: 1.003126); Thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 33 và khoản 1 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (mã TTHC: 2.001308); Thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh (mã TTHC: 2.001302); Thông báo chấm dứt gia nhập tổ chức tôn giáo nước ngoài của tổ chức tôn giáo ở Việt Nam (mã TTHC: 2.000031); Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều tỉnh (mã TTHC: 1.003670); Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều tỉnh (mã TTHC: 1.003690); Thông báo hoạt động của cơ sở đào tạo tôn giáo (mã TTHC: 2.001294); Thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (mã TTHC: 1.003813); Thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo cơ sở đào tạo tôn giáo theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật

Tín ngưỡng, tôn giáo (mã TTHC: 2.001314); Thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (mã TTHC: 2.001325); Thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (mã TTHC: 2.001319); Thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (mã TTHC: 1.003199); Thông báo kết quả đào tạo của cơ sở đào tạo tôn giáo (mã TTHC: 1.003710); Thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (mã TTHC: 1.003833); Thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh (Mã TTHC: 1.003656); Thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh (mã TTHC: 1.003222); Thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (mã TTHC: 1.003233); Thông báo về việc giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo theo quyết định của tổ chức tôn giáo (mã TTHC: 1.000006); Thông báo về việc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức tôn giáo (mã TTHC: 2.000019); Thông báo về việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh (mã TTHC: 2.002167).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nội vụ về Ban Tôn giáo Chính phủ thuộc Bộ Nội vụ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 19, điểm b khoản 3 Điều 22, điểm b khoản 3 Điều 29, khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 34, khoản 1, 3, 4 Điều 39,

khoản 2 Điều 42, điểm d khoản 1 Điều 43, khoản 2, điểm c Khoản 3 Điều 45, điểm b khoản 3 Điều 48, khoản 5 Điều 48, Điều 49, khoản 3 Điều 50, khoản 3, 4 Điều 51, khoản 4 Điều 53 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7, khoản 1, 2, 3 Điều 17, khoản 1, 2 Điều 18, khoản 4 Điều 22 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

2. Nhóm các thủ tục: Thông báo tổ chức quyên góp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP (mã TTHC: 1.000780); Thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức (mã TTHC: 1.000788).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Nội vụ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 31 Luật Tín ngưỡng tôn giáo; sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 19, khoản 4 Điều 22 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

3. Nhóm các thủ tục: Thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (mã TTHC: 1.001228); Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện (mã TTHC: 2.000267); Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện (mã TTHC: 1.000316).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp huyện về Phòng Nội vụ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 41, điểm b khoản 1 Điều 43 Luật Tín ngưỡng tôn giáo; sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 22 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

B. LĨNH VỰC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ

1. Nhóm các thủ tục: Chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội (mã TTHC: 2.001688); Đổi tên hội (mã TTHC: 2.001678); Hội tự giải thể (mã TTHC: 1.003918); Phê duyệt điều lệ hội (mã TTHC: 1.003960); Thành lập hội (mã TTHC: 2.001481); Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường (mã TTHC: 1.003900).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh về Chủ tịch UBND cấp huyện trong trường hợp hội có phạm vi hoạt động trong huyện và trong xã.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức hoạt động và quản lý hội; sửa đổi, bổ sung khoản b, c Điều 2 Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ (mã TTHC: 2.001590); Công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ (mã TTHC: 2.001567); Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (mã TTHC: 1.003822); Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (mã TTHC: 1.003916); Đổi tên quỹ cấp tỉnh

(mã TTHC: 1.003879); Hợp nhất, sát nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ (mã TTHC: 1.003920); Tự giải thể quỹ (mã TTHC: 1.003866); Thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ (mã TTHC: 1.003621); Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ hoạt động có thời hạn (mã TTHC: 1.003950).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh về Chủ tịch UBND cấp huyện trong trường hợp quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện và trong xã (trừ trường hợp quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập, hoạt động).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 18 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

Phụ lục XI

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC MẬT MÃ DÂN SỰ

1. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự (mã TTHC: 2.001529); Sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự (mã TTHC: 1.005395); Cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự (mã TTHC: 1.005396); Gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự (mã TTHC: 1.005397).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Ban Cơ yếu Chính phủ về Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 32, 33 Luật An toàn thông tin mạng; sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

2. Thủ tục Xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự (mã TTHC: 1.008253).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Ban Cơ yếu Chính phủ về Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 34 Luật An toàn thông tin mạng; sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ

quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

B. LĨNH VỰC KIỂM ĐỊNH AN TOÀN LAO ĐỘNG; KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

1. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (mã TTHC: 1.008256); Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với trường hợp hết thời hạn quy định trong Giấy chứng nhận (mã TTHC: 1.008257); Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hỏng (mã TTHC: 1.008259); Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với trường hợp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận (mã TTHC: 1.008260); Cấp chứng chỉ kiểm định viên (mã TTHC: 1.008261); Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên trong trường hợp chứng chỉ kiểm định viên hết hạn (mã TTHC: 1.008262); Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên trong trường hợp bổ sung, sửa đổi nội dung chứng chỉ kiểm định viên (mã TTHC: 1.008263); Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên trong trường hợp chứng chỉ kiểm định viên bị mất hoặc hỏng (mã TTHC: 1.008264); Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên sau khi chứng chỉ kiểm định viên bị thu hồi (mã TTHC: 1.008265).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Tổng cục Kỹ thuật về Bộ Tham mưu thuộc Tổng cục Kỹ thuật.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 12, 13, 16 Thông tư số 08/2017/TT-BQP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Bộ Quốc phòng (mã TTHC: 2.001644); Cấp giấy phép hoạt động đối với trung tâm thuộc Bộ Quốc phòng (mã TTHC: 1.003852); Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh xá thuộc Bộ Quốc phòng (mã TTHC: 1.003791); Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám đa khoa thuộc Bộ Quốc phòng (mã TTHC: 2.001122); Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chuyên khoa thuộc Bộ Quốc phòng (mã TTHC: 1.004530); Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập (mã TTHC: 1.004535); Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm (mã TTHC: 1.004542); Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (mã TTHC: 1.004558); Điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 46 Luật Khám bệnh, chữa bệnh (mã TTHC: 1.004567); Thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng (mã TTHC: 1.004554); Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng bị mất hoặc bị hư hỏng hoặc bị thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 Luật Khám bệnh, chữa bệnh (mã TTHC: 1.004544); Thu hồi giấy phép hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng (mã TTHC: 1.004519); Đình chỉ hoạt động chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (mã TTHC: 2.001422); Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động sau khi bị đình chỉ (mã TTHC: 2.001419).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Quốc phòng về Cục Quân y, Tổng cục Hậu cần thuộc Bộ Quốc phòng.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 45; khoản 1, 3 Điều 47; khoản 2, 3, 5 Điều 48 Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009; sửa đổi, bổ sung Điều 6; khoản 4, 5 Điều 24; Điều 27; Điều 33; điểm c khoản 2 Điều 36 Nghị định số 50/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối

với người khám bệnh, chữa bệnh và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong quân đội.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

C. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. Thủ tục Xin cấp phép cung cấp dịch vụ Internet trong Quân đội (mã TTHC: 1.008286).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết từ Bộ Quốc phòng về Bộ Tư lệnh 86 thuộc Bộ Quốc phòng.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 9; khoản 3 Điều 10 Thông tư số 110/2014/TT-BQP ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quy chế quản lý, cung cấp dịch vụ Internet trong Quân đội.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Xin thiết lập trang, cổng thông tin điện tử trên Internet (mã TTHC: 2.001933).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết từ Tổng cục Chính trị về Cục Tuyên huấn thuộc Tổng cục Chính trị; đồng thời, bổ sung các quy định về việc thực hiện thủ tục theo cách thức trực tuyến.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 16, Điều 18 Thông tư số 110/2014/TT-BQP ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quy chế quản lý, cung cấp dịch vụ Internet trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

D. LĨNH VỰC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ

1. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp lần đầu (mã TTHC: 2.002422); Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với đơn vị quân đội không phải là doanh nghiệp phục vụ thi công các công trình quốc phòng, an ninh (mã TTHC: 2.001198); Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công

nghiệp đối với tổ chức, doanh nghiệp làm dịch vụ nổ mìn (mã TTHC: 1.002887); Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với tổ chức, doanh nghiệp làm dịch vụ nổ mìn (mã TTHC: 1.002892); Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp do bị mất hoặc cấp đổi do bị hư hỏng (mã TTHC: 1.002896); Điều chỉnh Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (mã TTHC: 1.004898).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Quốc phòng về Bộ Tham mưu thuộc Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Bộ Quốc phòng.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 3; khoản 4 Điều 4 Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng (mã TTHC: 3.000015); Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng (mã TTHC: 3.000016); Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng (mã TTHC: 3.000017); Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng (mã TTHC: 3.000018).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Tổng cục Công nghiệp quốc phòng về Cục Quản lý công nghệ thuộc Tổng cục Công nghiệp quốc phòng; đồng thời, bổ sung các quy định về việc thực hiện thủ tục theo cách thức trực tuyến.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

Phụ lục XII

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC BẢO HIỂM

1. Thủ tục Phê chuẩn chương trình đào tạo đại lý bảo hiểm (mã TTHC: 1.008486).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 87 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm; sửa đổi, bổ sung Điều 30, khoản 12 Điều 36 và Phụ lục 12 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Bổ nhiệm, thay đổi một số chức danh quản trị, điều hành của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm (mã TTHC: 1.008474).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 16, điểm a khoản 2 Điều 26 và Điều 34 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định

chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Thủ tục Đề nghị phê chuẩn nguyên tắc phân bổ tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí chung liên quan đến cả chủ sở hữu và quỹ chủ hợp đồng trong bảo hiểm nhân thọ (mã TTHC: 1.008484).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 70 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Thủ tục Phê chuẩn việc áp dụng (hoặc thay đổi áp dụng) phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm (mã TTHC: 1.008475).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3 Điều 16, Điều 58 Nghị định số 73/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm; khoản 2, 4 Điều 17, khoản 4, 5 Điều 18, khoản 4 Điều 19, khoản 11 Điều 36 và Phụ lục 11 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

5. Thủ tục Báo cáo năm của cơ sở đào tạo đại lý bảo hiểm (mã TTHC: 1.010361).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 89 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

6. Thủ tục Thông báo trường hợp doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm nước ngoài không có đánh giá xếp hạng tín nhiệm theo quy định (mã TTHC: 1.010360).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 43 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

7. Thủ tục Nộp báo cáo của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ (mã TTHC: 1.010359).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 50 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

8. Nhóm các thủ tục: Báo cáo về việc thành lập hoặc chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh (mã TTHC: 1.010366); Báo cáo về việc thay đổi địa điểm kinh doanh (mã TTHC: 1.010367).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 19, khoản 3 Điều 20 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

9. Thủ tục Chấp thuận về nguyên tắc để tăng/giảm mức vốn điều lệ, vốn được cấp (mã TTHC: 1.008467).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 18 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022 - 2023.

B. LĨNH VỰC QUẢN LÝ GIÁ; QUẢN LÝ CÔNG SẢN

1. Nhóm các thủ tục: Đăng ký dự thi cấp thẻ thẩm định giá lần đầu đối với công dân Việt Nam (mã TTHC: 1.006237); Đăng ký dự thi cấp thẻ thẩm định giá các lần tiếp theo (mã TTHC: 2.002216).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý giá thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 8 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Thẩm định giá; sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 13, Điều 14, khoản 9 Điều 16, khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, điểm c khoản 2 Điều 22 Thông tư số 46/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về việc thi, quản lý, cấp và thu hồi Thẻ thẩm định viên về giá.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2024.

2. Thủ tục Đăng ký dự thi sát hạch đối với người có Chứng chỉ hành nghề thẩm định giá do tổ chức nước ngoài có thẩm quyền cấp được Bộ Tài chính thừa nhận (mã TTHC: 2.002215).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý giá thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 8 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Thẩm định giá; sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 10, Điều 14 Thông tư số 46/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về việc thi, quản lý, cấp và thu hồi Thẻ thẩm định viên về giá.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2024.

3. Thủ tục Điều chuyển tài sản là hệ thống điện được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước sang ngành điện quản lý (mã TTHC: 1.005415).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Thủ tướng Chính phủ về Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng công trình điện quyết định chuyển giao đối với công trình điện là tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Kiến nghị thực thi:

- Xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam và bãi bỏ Quyết định số 41/2017/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định trình tự, thủ tục điều chuyển công trình điện được đầu tư bằng vốn nhà nước sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam quản lý.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

C. LĨNH VỰC HẢI QUAN

1. Thủ tục Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế (mã TTHC: 1.007781).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Tổng cục Hải quan về Cục Hải quan tỉnh/thành phố thuộc Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 140 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; sửa đổi, bổ sung khoản 71 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan (mã TTHC: 1.007651); Gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan (mã TTHC: 1.007652); Cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan (mã TTHC: 1.007653); Thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan (mã TTHC: 1.007654).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Tổng cục Hải quan về Cục Hải quan tỉnh/thành phố thuộc Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 20 Luật Hải quan; sửa đổi, bổ sung Điều 9, 10 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 12/2015/TT-BTC.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

D. LĨNH VỰC KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

1. Nhóm các thủ tục: Đăng ký dự thi chứng chỉ kiểm toán viên đối với người đã có chứng chỉ kế toán viên (mã TTHC: 1.007413); Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ hành nghề kế toán (đăng ký lần đầu) (mã TTHC: 1.007384); Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ kiểm toán viên (đăng ký lần đầu) (mã TTHC: 1.007380); Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên (đăng ký thi lại các môn

chưa đạt hoặc thi tiếp các môn chưa thi) (mã TTHC: 1.007411); Đăng ký dự thi sát hạch đối với người có chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên nước ngoài (mã TTHC: 1.007412).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát kế toán - kiểm toán thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 14, 19, 21 Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về việc thi, cấp, quản lý chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Chấp thuận hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán đủ điều kiện tổ chức cập nhật kiến thức (mã TTHC: 1.007422).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát kế toán - kiểm toán thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 9 Thông tư số 292/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cập nhật kiến thức hàng năm cho kế toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Thủ tục Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam của doanh nghiệp dịch vụ kế toán nước ngoài (mã TTHC: 3.000061).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát kế toán - kiểm toán thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 30, 34 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

4. Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán cho Chi nhánh doanh nghiệp kế toán nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.007459).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát kế toán - kiểm toán thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 60 Luật Kế toán; sửa đổi, bổ sung Phụ lục 2 Thông tư số 297/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về cấp, quản lý và sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

5. Nhóm thủ tục: Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán (Cấp lần đầu) (mã TTHC: 1.007451); Thủ tục Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán (mã TTHC: 1.007456).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát kế toán - kiểm toán thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 62, 63 Luật Kế toán; sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 30, Điều 34 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30 năm 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán; sửa đổi, bổ sung Điều 6, Phụ lục 1 Thông tư số 297/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về cấp, quản lý và sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

6. Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.007637).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát kế toán - kiểm toán thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 23 Luật Kiểm toán độc lập; sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài

chính về trình tự, thủ tục cấp, quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

7. Nhóm các thủ tục: Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (Cấp lần đầu) (mã TTHC: 1.007633); Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (cấp lại) (mã TTHC: 1.007635); Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (điều chỉnh) (mã TTHC: 1.007634).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát kế toán - kiểm toán thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 23, 24 Luật Kiểm toán độc lập; sửa đổi, bổ sung Điều 7 và Phụ lục I, Phụ lục IV Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về trình tự, thủ tục cấp, quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

8. Nhóm các thủ tục: Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán (Cấp mới) (mã TTHC: 1.007426); Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán hết thời hạn (mã TTHC: 1.007437); Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi kế toán viên hành nghề bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán (mã TTHC: 1.007444); Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi kế toán viên thay đổi nơi làm việc hoặc nơi đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán (mã TTHC: 1.007439); Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi thay đổi tên của doanh nghiệp dịch vụ kế toán nơi kế toán viên hành nghề đăng ký hành nghề (mã TTHC: 1.007441); Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán (mã TTHC: 1.007456).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát kế toán - kiểm toán thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 71 Luật Kế toán; sửa đổi, bổ sung Điều 30, 34 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán; sửa đổi, bổ sung Điều 6, 10, 11 Thông tư số 296/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về cấp, thu hồi và quản lý Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

9. Nhóm các thủ tục: Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán (Cấp mới) (mã TTHC: 1.007475); Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán (điều chỉnh) (mã TTHC: 1.007631); Thủ tục Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán (mã TTHC: 1.007632).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát kế toán - kiểm toán thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 5, 7, 9 Thông tư số 202/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký, quản lý và công khai danh sách kiểm toán viên hành nghề kiểm toán.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

10. Thủ tục Đăng ký kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán (mã TTHC: 1.007636).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát kế toán - kiểm toán thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 6, 16 và Phụ lục VIII Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về trình tự, thủ tục cấp, quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

11. Thủ tục Đăng ký tổ chức cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên (mã TTHC: 1.007639).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát kế toán - kiểm toán thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 9 Thông tư số 150/2012/TT-BTC ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cập nhật kiến thức hàng năm cho kiểm toán viên đăng ký hành nghề kiểm toán và Thông tư số 56/2015/TT-BTC ngày 23 tháng 4 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 150/2012/TT-BTC ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cập nhật kiến thức hàng năm cho kiểm toán viên đăng ký hành nghề kiểm toán.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

12. Thủ tục Đăng ký tham gia kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng (mã TTHC: 1.007638).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát kế toán - kiểm toán thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

13. Thủ tục Xin hoãn giờ cập nhật kiến thức đối với kế toán viên hành nghề (mã TTHC: 1.007423).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài chính về Cục Quản lý, giám sát kế toán - kiểm toán thuộc Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 12 và Phụ lục số 05/CNKT Thông tư số 292/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cập nhật kiến thức hàng năm cho kế toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

Phụ lục XIII

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

1. Thủ tục Giao khu vực biển (mã TTHC: 1.004512).

Thủ tục này bao gồm các thủ tục: Giao khu vực biển thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ; Giao khu vực biển thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a) Nội dung phân cấp:

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Thủ tướng Chính phủ về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài nguyên và Môi trường về UBND cấp tỉnh đối với việc giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trong phạm vi vùng biển liên vùng đến không quá 12 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền và các đảo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản năm 2017; sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

2. Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (mã TTHC: 2.001745).

Thủ tục này bao gồm các thủ tục: Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ; sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a) Nội dung phân cấp:

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Thủ tướng Chính phủ về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài nguyên và Môi trường về UBND cấp tỉnh đối với việc sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trong phạm vi vùng biển liên vùng đến không quá 12 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền và các đảo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản năm 2017; sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

3. Thủ tục Gia hạn Quyết định giao khu vực biển (mã TTHC: 1.004520).

Thủ tục này bao gồm các thủ tục: Gia hạn Quyết định giao khu vực biển thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ; Gia hạn Quyết định giao khu vực biển thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a) Nội dung phân cấp:

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Thủ tướng Chính phủ về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài nguyên và Môi trường về UBND cấp tỉnh đối với việc Gia hạn Quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trong phạm vi vùng biển liên vùng đến không quá 12 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền và các đảo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản năm 2017; sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021

của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

4. Thủ tục Công nhận khu vực biển (mã TTHC: 1.009480).

Thủ tục này bao gồm các thủ tục: Công nhận khu vực biển thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ; Công nhận khu vực biển thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a) Nội dung phân cấp:

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Thủ tướng Chính phủ về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài nguyên và Môi trường về UBND cấp tỉnh đối với việc Công nhận khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trong phạm vi vùng biển liên vùng đến không quá 12 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền và các đảo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản năm 2017; sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

5. Thủ tục Trả lại khu vực biển (mã TTHC: 1.004333).

Thủ tục này bao gồm các thủ tục: Trả lại khu vực biển thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ; Trả lại khu vực biển thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a) Nội dung phân cấp:

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Thủ tướng Chính phủ về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài nguyên và Môi trường về UBND cấp tỉnh đối với việc chấp thuận trả lại khu vực biển nuôi trồng thủy sản trong phạm vi vùng biển liên vùng đến không quá 12 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền và các đảo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản năm 2017; sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

B. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC; BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 2 m^3/giây trở lên; phát điện với công suất lắp máy từ 2.000 kw trở lên; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 50.000 m^3/ngày đêm trở lên; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng từ 100.000 m^3/ngày đêm trở lên (mã TTHC: 2.000021); Gia hạn/Điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 2 m^3/giây trở lên; phát điện với công suất lắp máy từ 2.000 kw trở lên; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 50.000 m^3/ngày đêm trở lên; gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng từ 100.000 m^3/ngày đêm trở lên (mã TTHC: 2.000018).

a) Nội dung phân cấp:

Phân cấp một phần thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài nguyên và Môi trường về UBND cấp tỉnh theo nội dung sau:

"Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 2 m^3/giây trở lên và có hồ chứa với dung tích toàn bộ dưới 03 triệu m^3", "Gia hạn/Điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt

cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 2 m^3/giây trở lên và có hồ chứa với dung tích toàn bộ dưới 03 triệu m^3".

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 28 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2 m^3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m^3/ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m^3/ngày đêm (mã TTHC: 1.004179); Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2 m^3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m^3/ngày đêm; gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m^3/ngày đêm (mã TTHC: 1.004167).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (mã TTHC: 1.004122); Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (mã TTHC: 2.001738); Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (mã TTHC: 1.004253).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

4. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m^3/ngày đêm (cấp tỉnh) (mã TTHC: 1.004232); Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m^3/ngày đêm (mã TTHC: 1.004228); Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m^3/ngày đêm (mã TTHC: 1.004223); Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m^3/ngày đêm (mã TTHC: 1.004211).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

5. Thủ tục Cấp lại giấy phép tài nguyên nước (TTHC cấp tỉnh) (mã TTHC: 1.000824).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

6. Thủ tục Điều chỉnh nội dung Thư phê duyệt PDD hoặc PoA-DD (mã TTHC: 1.004629).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài nguyên và Môi trường về Cục Biến đổi khí hậu thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 13 Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

C. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

1. Nhóm các thủ tục: Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở (Đối với tỉnh đã thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai) (mã TTHC: 1.002273); Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai) (mã TTHC: 1.004199); Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận (Cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai) (mã TTHC: 1.004227); Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập Văn phòng đăng ký đất đai) (mã TTHC: 1.005194); Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai;

xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp (Cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập Văn phòng đăng ký đất đai) (mã TTHC: 2.000880); Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai) (mã TTHC: 2.000889); Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai) (mã TTHC: 2.000976).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Sở Tài nguyên và Môi trường về Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; sửa đổi, bổ sung khoản 23 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

2. Thủ tục Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai) (mã TTHC: 1.004193).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Sở Tài nguyên và Môi trường về Văn phòng Đăng ký đất đai.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 106 Luật Đất đai.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

D. LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN

1. Thủ tục Cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu về địa chất, khoáng sản (mã TTHC: 2.001834).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Trung tâm Thông tin, Lưu trữ và Tạp chí địa chất, Bộ Tài nguyên và Môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều kiện phân cấp: Có sự chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung giữa trung ương và địa phương.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Luật Khoáng sản.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

2. Thủ tục Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản (mã TTHC: 1.004083).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 17 Luật Khoáng sản; sửa đổi, bổ sung Điều 32, 47 và điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

3. Thủ tục Nộp mẫu vật địa chất, khoáng sản vào Bảo tàng Địa chất (TTHC cấp trung ương) (mã TTHC: 1.004107).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài nguyên và Môi trường về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 Điều 23 Luật Khoáng sản.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

4. Thủ tục Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch (mã TTHC: 1.004132).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 82 Luật Khoáng sản; sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 47 và Điều 62 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

5. Thủ tục Đóng cửa mỏ khoáng sản (cấp trung ương) (mã TTHC: 1.004262).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài nguyên và Môi trường về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 74, 75 Luật Khoáng sản; sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 56 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

6. Nhóm các thủ tục: Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (cấp Trung ương) (mã TTHC: 1.004292); Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (cấp Trung ương) (mã TTHC: 1.004324).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tài nguyên và Môi trường về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 80, 82 Luật Khoáng sản; sửa đổi, bổ sung Điều 49, 51, 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

7. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản - cấp tỉnh (mã TTHC: 2.001781); Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản - cấp tỉnh (mã TTHC: 2.001777); Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản - cấp tỉnh (mã TTHC: 1.004343).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 82 Luật Khoáng sản; sửa đổi, bổ sung Điều 64, 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

Phụ lục XIV

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC BÁO CHÍ

1. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép xuất bản phụ trương (mã TTHC: 1.009368); Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương (mã TTHC: 1.009380); Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương (mã TTHC: 1.009381).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Báo chí về Sở Thông tin và Truyền thông (đối với báo địa phương).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3 Điều 20, Điều 31 Luật Báo chí; sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3, Điều 9 Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

2. Nhóm các thủ tục: Cho phép họp báo (nước ngoài) (mã TTHC: 2.001788); Cho phép họp báo (trong nước) (mã TTHC: 2.000383).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Thông tin và Truyền thông về Cục Báo chí thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 41 Luật Báo chí; sửa đổi, bổ sung khoản 1, 3, 4, 6 Điều 18 Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012

quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép xuất bản đặc san (mã TTHC: 1.009377); Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản đặc san (mã TTHC: 1.009385).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Báo chí về Sở Thông tin và Truyền thông (đối với các cơ quan, tổ chức ở địa phương).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 35 Luật Báo chí; sửa đổi, bổ sung Điều 3, 20, 21 Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

4. Thủ tục Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo in, giấy phép hoạt động tạp chí in, giấy phép hoạt động báo điện tử, giấy phép hoạt động tạp chí điện tử, giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí, giấy phép hoạt động báo in và báo điện tử, giấy phép hoạt động tạp chí in và tạp chí điện tử (mã TTHC: 1.009379).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Thông tin và Truyền thông về Cục Báo chí thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 20 Luật Báo chí; sửa đổi, bổ sung Điều 7, 12 Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

5. Thủ tục Đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu (mã TTHC: 1.004514).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Thông tin và Truyền thông về Sở Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 54 Luật Báo chí.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

6. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép xuất bản bản tin (mã TTHC: 1.009374); Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (mã TTHC: 1.009386).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh được giao quyền về Sở Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 6 Điều 34 Luật Báo chí; sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 3, Điều 18, 19 Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí; sửa đổi Mẫu số 10, 26 đính kèm Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

7. Nhóm các thủ tục: Cho phép họp báo (trong nước) (mã TTHC: 2.001171); Cho phép họp báo (nước ngoài) (mã TTHC: 2.001173).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 41 Luật Báo chí; sửa đổi, bổ sung khoản 2, 4, 6 Điều 18 Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam; sửa đổi, bổ sung khoản 1, 3 Điều 5 Thông tư số 04/2014/TT-BTTTT ngày 19 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

8. Thủ tục Chấp thuận trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (mã TTHC: 1.003888).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 3 Điều 20 Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam; sửa đổi, bổ sung khoản 1, 3 Điều 9 Thông tư số 04/2014/TT-BTTTT ngày 19 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 88/2012/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2024.

B. LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

1. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng (mã TTHC: 2.002177); Thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng (mã TTHC: 1.002702); Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng (mã TTHC: 2.001133).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Thông tin và Truyền thông về Trung tâm chứng thực điện tử quốc gia thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 36; khoản 1, 5, 6 Điều 38; khoản 1 Điều 39 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

2. Nhóm các thủ tục: Cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu để nghiên cứu khoa học (mã TTHC: 1.002663); Cho phép thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài (mã TTHC: 1.008272); Cho phép nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin chuyên dùng đã qua sử dụng (mã TTHC: 1.007965); Cho phép nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục cấm nhập khẩu theo hình thức di chuyển phương tiện sản xuất trong cùng một tổ chức (mã TTHC: 1.007962); Cho phép nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục cấm nhập khẩu để làm thiết bị điều khiển, vận hành, khai thác, kiểm tra hoạt động của một phần hoặc toàn bộ hệ thống, dây chuyền sản xuất (mã TTHC: 1.007963); Cho phép nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục cấm nhập khẩu để phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất phần mềm, gia công quy trình kinh doanh bằng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu cho đối tác nước ngoài (mã TTHC: 1.007964); Cho phép nhập khẩu sản phẩm, linh kiện đã được tân trang, làm mới để thay thế, sửa chữa cho người sử dụng trong nước mà sản phẩm, linh kiện đó nay không còn được sản xuất (mã TTHC: 1.007976); Cho phép tái nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã hết thời hạn bảo hành sau khi đưa ra nước ngoài sửa chữa (mã TTHC: 1.007967).

a) Nội dung phân cấp:

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết 02 TTHC các mã: 1.002663 và 1.008272 từ Thủ tướng Chính phủ về cơ quan quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết 06 TTHC các mã: 1.007965, 1.007962, 1.007963, 1.007964, 1.007976 và 1.007967 từ Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về cơ quan quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 10, 51 Luật Quản lý ngoại thương; sửa đổi, bổ sung Điều 6 Quyết định số 18/2016/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định các trường hợp cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh Mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu; sửa đổi, bổ sung Điều 6 Quyết định số 31/2019/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu để nghiên cứu khoa học và thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng (mã TTHC: 2.001123); Cấp lại giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng (mã TTHC: 1.005446).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Thông tin và Truyền thông về Cục An toàn thông tin thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 6, khoản 3 Điều 9, khoản 2 Điều 10 Thông tư số 13/2018/TT-BTTTT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

C. LĨNH VỰC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

1. Thủ tục Thông báo thay đổi chủ sở hữu, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép thiết lập mạng xã hội (mã TTHC: 1.004336).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Thông tin và Truyền thông về Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 15 Điều 1, khoản 5 Điều 23h Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp Quyết định phê duyệt nội dung kịch bản trò chơi điện tử G1 trên mạng (mã TTHC: 2.001677); Sửa đổi, bổ sung Quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 trên mạng (mã TTHC: 1.002019); Cấp lại Quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 trên mạng (mã TTHC: 1.002011).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Thông tin và Truyền thông về Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 26, 27 Điều 1; khoản 2 Điều 32h; khoản 4 Điều 32i, điểm b khoản 6 Điều 32i Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (mã TTHC: 2.001885); Cấp lại giấy chứng

nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (mã TTHC: 2.001786); Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (mã TTHC: 2.001880); Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (mã TTHC: 2.001884).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Sở Thông tin và Truyền thông hoặc UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 35 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP; sửa đổi, bổ sung khoản 35 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; sửa đổi Mẫu số 03, 04, 05, 06, 07, 08 đính kèm Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

D. LĨNH VỰC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài nghiệp dư (mã TTHC: 1.010247); Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài nghiệp dư (mã TTHC: 1.010248); Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài nghiệp dư (mã TTHC: 1.010249); Cấp lại giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư (mã TTHC: 1.010250); Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (không áp dụng đối với đài vệ tinh trái đất không thuộc hệ thống GMDSS) (mã TTHC: 1.010281); Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (không áp dụng đối với đài vệ tinh trái đất không thuộc hệ thống GMDSS) (mã TTHC: 1.010282); Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (không áp dụng đối với đài vệ tinh trái đất không thuộc hệ thống GMDSS)

(mã TTHC: 1.010283); Cấp lại Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (không áp dụng đối với đài vệ tinh trái đất không thuộc hệ thống GMDSS) (mã TTHC: 1.010284); Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá (mã TTHC: 1.010285); Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá (mã TTHC: 1.010286); Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá (mã TTHC: 1.010287); Cấp lại Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá (mã TTHC: 1.010288); Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị vô tuyến điện dùng cho mục đích giới thiệu công nghệ tại triển lãm, hội chợ (mã TTHC: 1.010289); Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị vô tuyến điện dùng cho mục đích giới thiệu công nghệ tại triển lãm, hội chợ (mã TTHC: 1.010290); Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị vô tuyến điện dùng cho mục đích giới thiệu công nghệ tại triển lãm, hội chợ (mã TTHC: 1.010291); Cấp lại Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị vô tuyến điện dùng cho mục đích giới thiệu công nghệ tại triển lãm, hội chợ (mã TTHC: 1.010292).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Tần số vô tuyến điện về Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 Thông tư số 04/2021/TT-BTTTT ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Cho thuê, cho mượn đài nghiệp dư (mã TTHC: 1.010319).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Tần số vô tuyến điện về Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3, 4 Điều 33 Thông tư số 04/2021/TT-BTTTT ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

Đ. LĨNH VỰC AN TOÀN THÔNG TIN; VIỄN THÔNG VÀ INTERNET

1. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận tên định danh (mã TTHC: 1.008813); Cấp lại Giấy chứng nhận tên định danh (mã TTHC: 1.008815); Gia hạn giấy chứng nhận tên định danh (mã TTHC: 1.008816).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục An toàn thông tin về Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 22; khoản 3, 6 Điều 23; Điều 25, 26, 27 và Điều 28 Nghị định số 91/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng (mã TTHC: 1.005444); Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng (mã TTHC: 1.003370); Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng (mã TTHC: 1.005445).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Thông tin và Truyền thông về Cục Viễn thông thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3, 4 Điều 26 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2024.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông (mã TTHC: 1.003300); Gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông (mã TTHC: 1.003249).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Thông tin và Truyền thông về Cục Viễn thông thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 18; khoản 2, 3 Điều 27 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2024.

4. Thủ tục Cấp lại giấy phép viễn thông (Áp dụng đối với cấp phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng, cấp phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông, cấp phép lắp đặt cáp viễn thông trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam; Không áp dụng đối với cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông quy định tại Thông tư số 12/2013/TT-BTTTT (mã TTHC: 2.001748).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Thông tin và Truyền thông về Cục Viễn thông thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 28 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông; sửa đổi, bổ sung Điều 24 Thông tư số 12/2013/TT-BTTTT ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2024.

E. LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH

1. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài (mã TTHC: 1.004210); Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài

(mã TTHC: 1.004365); Gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài (mã TTHC: 1.004369); Điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài (mã TTHC: 1.005105).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Thông tin và Truyền thông về Cục Xuất bản, In và Phát hành thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung mẫu số 41, 42, 43, 44 đính kèm Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm (mã TTHC: 1.003483).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về UBND cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3, sửa đổi biểu mẫu số 33, 34, 35 đính kèm Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

Phụ lục XV

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ TƯ PHÁP

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC HỘ TỊCH

1. Nhóm các thủ tục: Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài (mã TTHC: 1.001669); Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài (mã TTHC: 2.000756); Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài (mã TTHC: 2.000779).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp huyện về Phòng Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7, 39, 40, 41, 42, 43, 44 Luật Hộ tịch năm 2014; sửa đổi, bổ sung Điều 27 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; sửa đổi, bổ sung quy định về thu lệ phí hộ tịch tại tiết 2 điểm c khoản 2 Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được sửa đổi tại điểm e khoản 3 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

2. Nhóm các thủ tục: Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (mã TTHC: 2.002189);

Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (mã TTHC: 2.000554); Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch) (mã TTHC: 2.000547).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp huyện về Phòng Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7, 48, 49, 50 Luật Hộ tịch năm 2014; sửa đổi, bổ sung Điều 27 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; sửa đổi, bổ sung quy định về thu lệ phí hộ tịch tại tiết 2 điểm c khoản 2 Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi tại điểm e khoản 3 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

3. Thủ tục Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc (mã TTHC: 2.000748).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp huyện về Phòng Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 46 Luật Hộ tịch 2014; sửa đổi, bổ sung quy định về thu lệ phí hộ tịch tại tiết 2 điểm c khoản 2 Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC

ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi tại điểm e khoản 3 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

4. Thủ tục Cấp bản sao trích lục hộ tịch (mã TTHC: 2.000635).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền quyết định TTHC từ UBND cấp huyện về Phòng Tư pháp đối với trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC là UBND cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 Luật Hộ tịch năm 2014; sửa đổi, bổ sung quy định về thu lệ phí hộ tịch tại tiết 2 điểm c khoản 2 Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi tại điểm e khoản 3 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

B. LĨNH VỰC LUẬT SƯ

1. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép hành nghề tại Việt Nam của luật sư nước ngoài (mã TTHC: 1.002911); Gia hạn Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam cho luật sư nước ngoài (mã TTHC: 1.002697); Cấp lại giấy phép hành nghề tại Việt Nam của luật sư nước ngoài (mã TTHC: 1.001993).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 31 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư (mã TTHC: 1.000828); Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư (mã TTHC: 1.000688).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép thành lập Công ty luật nước ngoài (mã TTHC: 2.000851); Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 2.000885); Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 2.000854); Cấp lại Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài (mã TTHC: 1.001979); Thay đổi nội dung giấy phép thành lập của chi nhánh, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.002528).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 78, 80, 81 Luật Luật sư; sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật luật sư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

4. Thủ tục Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài trong trường hợp tự chấm dứt hoạt động (mã TTHC: 1.002943).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 39 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

5. Thủ tục Chuyển đổi chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài thành công ty luật trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.002637).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 34 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

6. Thủ tục Chuyển đổi công ty luật nước ngoài thành công ty luật Việt Nam (mã TTHC: 1.002649).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 35 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

7. Thủ tục Công nhận Giấy Chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài (mã TTHC: 1.001928).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư; sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

8. Thủ tục Thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư (mã TTHC: 1.008614).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư; sửa đổi, bổ sung Điều 5 Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

9. Nhóm các thủ tục: Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khách quan mà thông tin trên Chứng chỉ hành nghề luật sư bị thay đổi (mã TTHC: 1.008628); Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư (mã TTHC: 1.008624).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 19 Luật Luật sư; sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư; sửa đổi, bổ sung Điều 6, khoản 1 Điều 10 Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật luật sư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

10. Nhóm các thủ tục: Hợp nhất công ty luật nước ngoài (mã TTHC: 1.002544); Sáp nhập công ty luật nước ngoài (mã TTHC: 1.002563).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 32, Điều 33 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

C. LĨNH VỰC NUÔI COI NUÔI

1. Thủ tục Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi (mã TTHC: 1.003198).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tư pháp về Cục Con nuôi thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 40 Luật Nuôi con nuôi.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

2. Nhóm các thủ tục: Gia hạn giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.000532); Sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.003236).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tư pháp về Cục Con nuôi thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 34, Điều 35 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; sửa đổi, bổ sung Điều 5 Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Thủ tục Xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi (mã TTHC: 2.002349).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Sở Tư pháp về UBND cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; sửa đổi, bổ sung Điều 5 Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Nhóm các thủ tục: Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (mã TTHC: 1.003160); Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (mã TTHC: 1.003179); Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi (mã TTHC: 1.004878); Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng (mã TTHC: 1.010547).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 Luật Nuôi con nuôi.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

D. LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI; HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI; QUẢN TÀI VIÊN; BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

1. Thủ tục Chấm dứt hoạt động theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài (mã TTHC: 1.008885).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tư pháp về Cục Bổ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 16 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.008886); Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.008888); Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.001609); Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài (mã TTHC: 1.008887).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tư pháp về Cục Bổ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12, khoản 1 Điều 21, Điều 23, khoản 2 Điều 25 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép thành lập Trung tâm Trọng tài (mã TTHC: 2.000822); Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài (mã TTHC: 2.000819).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tư pháp về Cục Bổ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 3 Điều 24 Luật Trọng tài thương mại; sửa đổi, bổ sung Điều 2, khoản 1, khoản 2 Điều 11 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

4. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.008911); Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại (mã TTHC: 1.008907); Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.008908); Bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài (mã TTHC: 1.008909); Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của

tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc Tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài (mã TTHC: 1.008912); Tự chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại (mã TTHC: 2.002052); Thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác; tên gọi, Trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác (mã TTHC: 1.008910).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27, khoản 3 Điều 31, khoản 1 Điều 36, khoản 3 Điều 41 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

5. Nhóm các thủ tục: Cấp Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên (mã TTHC: 2.001130); Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán (mã TTHC: 1.002681); Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên (mã TTHC: 2.001117); Thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên (mã TTHC: 2.001113).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Tư pháp về Cục Bổ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4, khoản 3 Điều 5, khoản 1, 2, 3 Điều 6 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

6. Nhóm các thủ tục: Cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá (mã TTHC: 1.003915); Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá (mã TTHC: 1.000802); Thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá trong trường hợp thôi hành nghề theo nguyện vọng (mã TTHC: 1.008726).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14, khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17 Luật Đấu giá tài sản.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

Đ. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC; TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

1. Thủ tục Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận (mã TTHC: 2.000843).

a) Nội dung phân cấp: Bổ sung thêm thẩm quyền cho UBND cấp xã quyết định các TTHC này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý (mã TTHC: 2.000587); Cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý (mã TTHC: 2.000518).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Sở Tư pháp về Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý thuộc Sở Tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 24 Luật Trợ giúp pháp lý; sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16, khoản 2 Điều 19 Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý; sửa đổi, bổ sung khoản 2, 9 Điều 34 Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

Phụ lục XVI

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH, TRIỂN LÃM; THỂ DỤC, THỂ THAO

1. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) (mã TTHC: 1.001671); Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) (mã TTHC: 1.001704).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 11, điểm b khoản 4 Điều 12 Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch, giải thi đấu vô địch trẻ từng môn thể thao cấp khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam; giải thi đấu vô địch quốc gia, giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia hàng năm từng môn thể thao (mã TTHC: 1.003716).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về Tổng cục Thể dục thể thao thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 1, khoản 5 Điều 13 và khoản 15 Điều 38 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

B. LĨNH VỰC DU LỊCH

1. Nhóm các thủ tục: Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (mã TTHC: 1004572); Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (mã TTHC: 1001455); Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (mã TTHC: 1004580); Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (mã TTHC: 1004551); Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (mã TTHC: 1004503).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Du lịch về UBND cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 56 Luật Du lịch 2017.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

2. Thủ tục Thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của cơ quan du lịch nước ngoài, tổ chức du lịch quốc tế và khu vực (mã TTHC: 1004610).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Thủ tướng Chính phủ về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b, c khoản 3 Điều 69 Luật Du lịch 2017.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

C. LĨNH VỰC GIA ĐÌNH

1. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) (mã TTHC: 2001414); Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) (mã TTHC: 1005441).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) (mã TTHC: 1001420).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) (mã TTHC: 1.000919); Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) (mã TTHC: 1.001407); Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) (mã TTHC: 1.000817).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

D. LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA; HỢP TÁC QUỐC TẾ

1. Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập (mã TTHC: 1.003793).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Di sản văn hóa (được sửa đổi tại điểm c khoản 25 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa); sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật

Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; sửa đổi, bổ sung mục 2 điểm e khoản 3 Điều 2 Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.006412); Cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.001082); Gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.001091).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về UBND cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12, khoản 3 Điều 13, khoản 2 Điều 14 Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

Đ. LĨNH VỰC THƯ VIỆN

1. Nhóm các thủ tục: Thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam (mã TTHC: 1.008897); Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam (mã TTHC: 1.008896).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 23 Luật Thư viện 2019; sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 Thông tư 08/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch thuộc UBND cấp tỉnh; Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc UBND cấp huyện.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

2. Thủ tục Thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam (mã TTHC: 1.008895).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 23 Luật Thư viện 2019; sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 Thông tư 08/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

3. Nhóm các thủ tục: Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng (mã TTHC: 1.008899); Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng (mã TTHC:1.008900); Thông báo thành lập đối với thư viện thuộc

cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng (mã TTHC: 1.008898).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp huyện về Phòng Văn hóa - Thông tin/Phòng Văn hóa thuộc UBND cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 5 Điều 23 Luật Thư viện 2019.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

Phụ lục XVII

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

1. Nhóm các thủ tục: Cấp chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng (mã TTHC: 1.002589); Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng (mã TTHC: 1.002551).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Xây dựng về Sở Xây dựng.

Điều kiện phân cấp: Có cơ sở dữ liệu dùng chung gồm các thông tin sau: Thông tin của cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ kiểm định viên thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng (họ tên, ngày tháng năm sinh, CMND/CCCD) để tra cứu, tránh trường hợp cấp mới nhiều lần tại các Sở Xây dựng địa phương khác nhau; Thông tin vi phạm (nếu có và đã được công bố) liên quan đến lĩnh vực kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2022.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm A, dự án trên địa bàn hai tỉnh trở lên (mã TTHC: 1.009958); Cấp giấy phép hoạt động xây dựng điều chỉnh cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm A, dự án trên địa bàn hai tỉnh trở lên (mã TTHC: 1.009959).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng về Sở Xây dựng.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 3 Điều 104 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2022.

3. Thủ tục Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (mã TTHC: 1.009941).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành về cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, thuộc dự án nhóm B có công trình cấp II trở xuống.

Điều kiện phân cấp: Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công và vốn nhà nước ngoài đầu tư công quy mô dự án nhóm B trừ các dự án nhóm B thuộc chuyên ngành quản lý, do Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (mà cơ quan chuyên môn này trực thuộc) quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 13, điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2022.

4. Thủ tục Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (mã TTHC: 1.009942).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ từ cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành về

cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp tỉnh đối với dự án xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, thuộc dự án nhóm B có công trình cấp II trở xuống.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2022.

B. LĨNH VỰC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN; NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ

1. Thủ tục Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đầu tư (mã TTHC: 1.010746).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Thủ tướng Chính phủ về UBND cấp tỉnh đối với trường hợp chuyển nhượng một phần dự án bất động sản đối với dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 51 Luật Kinh doanh bất động sản; sửa đổi, bổ sung Điều 12 Nghị định số 02/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025

2. Thủ tục Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP (mã TTHC: 1.010007).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về UBND cấp huyện; đồng thời quy định rõ quy trình, trách nhiệm của UBND cấp huyện trong phối hợp với Sở Xây dựng để xác định nhà ở xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 81 Luật Nhà ở; sửa đổi, bổ sung khoản 21 Điều 1 Nghị định 30/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Thủ tục Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh (mã TTHC: 1.007762).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Xây dựng.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 61 Luật Nhà ở; sửa đổi, bổ sung khoản 15 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý Nhà ở xã hội.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

C. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

1. Thủ tục Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp đối với nhà ở riêng lẻ) (mã TTHC: 1.009787).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC của Bộ Xây dựng về cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2022.

2. Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với công trình cấp I, công trình cấp đặc biệt, công trình do Thủ tướng Chính phủ giao, công trình theo tuyến đi qua 02 tỉnh trở lên, công trình thuộc dự án do các bộ, cơ quan trung ương quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư; công trình do các tập đoàn kinh tế nhà nước quyết định đầu tư hoặc làm chủ đầu tư, trừ

các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng (mã TTHC: 1.009793).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành về cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp tỉnh.

Điều kiện phân cấp: Phân cấp thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào khai thác, sử dụng của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng cho cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp tỉnh đối với một số dự án/công trình: công trình cấp II, cấp III, cấp thuộc dự án nhóm B, C hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do cơ quan trung ương quyết định đầu tư hoặc phân cấp ủy quyền quyết định đầu tư...; đảm bảo về nhân lực (có đủ trình độ chuyên môn, thời gian) thực hiện TTHC

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2022.

D. LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG; HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Nhóm các thủ tục: Cấp mới Giấy chứng nhận hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng (mã TTHC: 1.006809); Cấp lại giấy chứng nhận hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng (mã TTHC: 1.006818); Cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng (mã TTHC: 1.006814).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ các bộ, cơ quan ngang bộ về cơ quan có thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 28 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2022.

2. Thủ tục Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh (mã TTHC: 1.002693).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về UBND cấp huyện và Sở Xây dựng, cụ thể:

- Phân cấp về UBND cấp huyện trong trường hợp quy mô chặt hạ, dịch chuyển cây xanh nằm trên địa bàn 01 huyện và địa bàn thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp huyện.

- Phân cấp về Sở Xây dựng trong trường hợp quy mô chặt hạ, dịch chuyển cây xanh nằm trên địa bàn của 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên hoặc các địa bàn hành chính không thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 14 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2022

Phụ lục XVIII

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ Y TẾ

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC Y DƯỢC CỔ TRUYỀN

1. Thủ tục Bổ sung phạm vi kinh doanh trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn dược liệu (mã TTHC: 1.003937).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 21 Thông tư số 03/2016/TT-BYT ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về hoạt động kinh doanh dược liệu.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

2. Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản dược liệu (mã TTHC: 1.003892).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2016/TT-BYT ngày 21 tháng 01 năm 2016 Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về hoạt động kinh doanh dược liệu.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy đăng ký lưu hành dược liệu (mã TTHC: 1.005039); Gia hạn giấy đăng ký lưu hành dược liệu (mã TTHC: 1.002457); Thay đổi, bổ sung giấy đăng ký lưu hành dược liệu (Đối với hồ sơ đăng ký lưu hành dược liệu có nội dung thay đổi, bổ sung quy định tại Phụ lục II.1 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BYT) (mã TTHC: 1.002447).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 21/2018/TT-BYT ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, dược liệu.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

B. LĨNH VỰC DƯỢC PHẨM; MỸ PHẨM

1. Nhóm các thủ tục: Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (Áp dụng với cơ sở sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc) (mã TTHC: 1.004405); Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định (mã TTHC: 1.004559).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 48, khoản 6 Điều 90 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc Generic (mã TTHC: 1.002379).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế đối với thuốc dùng ngoài, đóng gói các thuốc dùng ngoài trong danh mục do Bộ Y tế quy định.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt để viện trợ, viện trợ nhân đạo (mã TTHC: 1.004390); Cấp phép xuất khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc được phép xuất khẩu không cần giấy phép của Bộ Y tế theo quy định tại khoản 5 Điều 60 của Luật dược mà cơ sở có nhu cầu cấp giấy phép xuất khẩu (mã TTHC: 1.003873); Cấp phép xuất khẩu thuốc phóng xạ; thuốc và dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực; thuốc độc; nguyên liệu độc làm thuốc (mã TTHC: 1.004397); Cấp phép nhập khẩu thuốc dùng cho mục đích thử lâm sàng, thử tương đương sinh học, đánh giá sinh khả dụng tại Việt Nam, làm mẫu kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học (mã TTHC: 1.004505); Cấp phép nhập khẩu thuốc viện trợ, viện trợ nhân đạo (mã TTHC: 1.004476); Cấp phép nhập khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt có giấy đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam (mã TTHC: 1.004522); Cấp phép nhập khẩu dược liệu không sử dụng làm mẫu kiểm nghiệm, nghiên cứu thuốc, tham gia trưng bày tại triển lãm, hội chợ, sản xuất thuốc xuất khẩu, sản xuất thuốc phục vụ yêu cầu quốc phòng, an ninh, phòng, chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa (mã TTHC: 1.004590); Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thông qua phương tiện tổ chức hội thảo, hội nghị, sự kiện giới thiệu thuốc (mã TTHC: 1.004517); Cấp phép nhập khẩu tá dược, vỏ nang, bao bì tiếp xúc trực tiếp với thuốc, chất chuẩn (mã TTHC: 1.004597).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 63, khoản 1 Điều 77, khoản 1 Điều 81, khoản 1 Điều 88, Điều 116 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Thủ tục Cung cấp thuốc phóng xạ (mã TTHC: 1.001396).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 9, 11 Thông tư số 20/2017/TT-BYT ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Dược và Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2023.

5. Thủ tục Gia hạn giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc (mã TTHC: 1.002189).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế đối với thuốc dùng ngoài, đóng gói các thuốc dùng ngoài trong danh mục do Bộ Y tế quy định.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 36 Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

6. Thủ tục Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 11 Thông tư số 04/2018/TT-BYT (mã TTHC: 1.003068).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6, khoản 4 Điều 11, khoản 1 Điều 13 Thông tư số 04/2018/TT-BYT ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt phòng thí nghiệm.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

7. Nhóm các thủ tục: Thay đổi, bổ sung giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Thuộc thay đổi lớn (mã TTHC: 1.002038); Thay đổi, bổ sung giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Thuộc thay đổi nhỏ chỉ yêu cầu

thông báo cho cơ quan quản lý (mã TTHC: 1.003355); Thay đổi, bổ sung giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc thuộc thay đổi nhỏ cần phê duyệt (mã TTHC: 1.001922).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế đối với thuốc dùng ngoài, đóng gói các thuốc dùng ngoài trong danh mục do Bộ Y tế quy định từ Bộ Y tế về Sở Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

8. Thủ tục Cấp phép nhập khẩu dược chất, bán thành phẩm thuốc, dược liệu, bán thành phẩm dược liệu để làm mẫu kiểm nghiệm, nghiên cứu thuốc, trừ nguyên liệu phải kiểm soát đặc biệt (mã TTHC: 1.004609).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế đối với nguyên liệu để làm mẫu kiểm nghiệm.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 88 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

9. Thủ tục Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm (mã TTHC: 1.002238).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35 Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý mỹ phẩm.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

C. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH Y KHOA; ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Nhóm các thủ tục: Khám giám định đối với trường hợp bổ sung vết thương do Viện Giám định y khoa Trung ương thực hiện (mã TTHC: 1.002261); Khám giám định đối với trường hợp đã được xác định tỷ lệ tạm thời do Viện Giám định y khoa Trung ương thực hiện (mã TTHC: 1.002248); Khám giám định đối với trường hợp vết thương còn sót do Viện Giám định y khoa Trung ương thực hiện (mã TTHC: 1.002269); Khám giám định đối với trường hợp vết thương tái phát do Viện Giám định y khoa Trung ương thực hiện (mã TTHC: 1.002287).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Hội đồng Giám định y khoa cấp trung ương về Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh, cấp Bộ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 45/2014/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn khám giám định thương tật đối với thương binh và người hưởng chính sách như thương binh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Khám giám định phúc quyết do vượt khả năng chuyên môn của Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh (mã TTHC: 1.003826); Khám giám định phúc quyết theo đề nghị của Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Bộ Y tế hoặc Cục Người có công, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (mã TTHC: 1.003764); Khám giám định phúc quyết trong trường hợp đối tượng không đồng ý với kết quả khám giám định lần đầu (mã TTHC: 1.003798).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Hội đồng Giám định y khoa cấp trung ương về Hội đồng giám định y khoa cấp Bộ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh

và Xã hội hướng dẫn khám giám định bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

3. Nhóm các thủ tục: Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh (mã TTHC: 1.000439); Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành Biên bản khám giám định (mã TTHC: 1.000101); Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh (mã TTHC: 1.000461); Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành Biên bản khám giám định (mã TTHC: 1.000262).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Hội đồng Giám định y khoa cấp trung ương về Hội đồng giám định y khoa cấp Bộ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Nhóm các thủ tục: Khám giám định phúc quyết theo đề nghị của đối tượng khám giám định do Viện Giám định y khoa Trung ương thực hiện (mã TTHC: 1.002310); Khám giám định phúc quyết theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước do Viện Giám định y khoa Trung ương thực hiện (mã TTHC: 1.002302).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Hội đồng Giám định y khoa cấp trung ương về Hội đồng giám định y khoa cấp Bộ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 45/2014/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn khám giám định thương tật đối với thương binh và người hưởng chính sách như thương binh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

5. Thủ tục Khám giám định phúc quyết theo đề nghị của tổ chức, cá nhân (mã TTHC: 1.002076).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Hội đồng Giám định y khoa cấp trung ương về Hội đồng giám định y khoa cấp Bộ trong việc khám giám định phúc quyết theo đề nghị của tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội và Luật An toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

6. Nhóm các thủ tục: Đăng ký lần đầu đối với tổ chức hỗ trợ nghiên cứu có hoạt động giám sát nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng (mã TTHC: 1.001012); Đăng ký lần đầu đối với tổ chức hỗ trợ nghiên cứu có hoạt động hỗ trợ hành chính nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng (mã TTHC: 1.001587); Đăng ký lần đầu đối với tổ chức hỗ trợ nghiên cứu có hoạt động phân tích thống kê và quản lý dữ liệu nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng (mã TTHC: 2.000003).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 14 Thông tư số 08/2014/TT-BYT ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định hoạt động hỗ trợ nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng tại Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

D. LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH; DÂN SỐ - SỨC KHỎE SINH SẢN

1. Nhóm các thủ tục: Cho phép áp dụng thí điểm kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh đối với kỹ thuật mới, phương pháp mới quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 07/2015/TT-BYT thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế (mã TTHC: 2.000804); Cho phép áp dụng chính thức kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.001779).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp, điều chỉnh thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế và sang các Bộ liên quan (Chỉ áp dụng với các kỹ thuật quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 07/2015/TT-BYT. Cụ thể: Sở Y tế thực hiện đối với bệnh viện tư nhân, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc các bộ, ngành; Bộ Công an thực hiện đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Công an.)

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 07/2015/TT-BYT ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết điều kiện, thủ tục cho phép áp dụng kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.003433); Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.003349); Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (mã TTHC: 2.001373).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế trong việc cấp/cấp bổ sung/cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam làm việc tại các cơ Sở Y tế trực thuộc bộ, ngành trên địa bàn.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Bộ Y tế, bệnh viện tư nhân hoặc thuộc các Bộ khác (trừ các bệnh viện thuộc Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập (mã TTHC: 1.003427).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế trong việc cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện tư nhân hoặc thuộc các Bộ khác (trừ các bệnh viện thuộc Bộ Quốc phòng); điều chỉnh thẩm quyền về Bộ Công an đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Công an và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động đối với Bệnh xá thuộc lực lượng Công an nhân dân (mã TTHC: 1.003491).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp, điều chỉnh thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Cục Y tế, Bộ Công an trong việc cấp giấy phép hoạt động đối với Bệnh xá thuộc lực lượng Công an nhân dân.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

5. Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.003627).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế trong việc cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc thuộc các Bộ khác; điều chỉnh thẩm quyền về Bộ Công an đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Công an khi thay đổi địa điểm.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

6. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.003672); Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.003642).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế trong việc cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc thuộc các Bộ khác; điều chỉnh thẩm quyền về Bộ Công an đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Công an khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023

7. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.003535); Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.003515).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế trong việc cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám đa khoa tư nhân hoặc thuộc các Bộ khác; điều chỉnh thẩm quyền về Bộ Công an đối với phòng khám đa khoa trực thuộc Bộ Công an.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

8. Thủ tục Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.002587).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền trong việc cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế từ Bộ Y tế về Sở Y tế đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc thuộc các Bộ khác; điều chỉnh thẩm quyền về Bộ Công an đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Công an.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

9. Nhóm các thủ tục: Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 29 Luật Khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.003299); Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.003311).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế đối với những người làm việc tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc bộ, ngành tại địa bàn.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

10. Thủ tục Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.009814).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế trong việc điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc thuộc các Bộ khác; điều chỉnh thẩm quyền về Bộ Công an đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Công an khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

11. Nhóm các thủ tục: Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.003299); Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế (mã TTHC: 1.001096).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế trong việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc thuộc các Bộ khác; điều chỉnh thẩm quyền về Bộ Công an đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Công an.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

12. Thủ tục Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm (mã TTHC: 1.003448).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 8, 9, 10 Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

Đ. LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG

1. Nhóm các thủ tục: Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm (mã TTHC: 1.002467; Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (mã TTHC: 1.004062); Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (mã TTHC: 1.004070); Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (mã TTHC: 1.002944).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (mã TTHC: 1.002564; Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo (mã TTHC: 1.001114); Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng (mã TTHC: 1.001189); Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp hết hiệu lực tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT (mã TTHC: 1.001178).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Y tế về Sở Y tế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

Phụ lục XIX

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI

1. Thủ tục Cấp giấy phép thu ngoại tệ tiền mặt từ xuất khẩu sang Campuchia (mã TTHC: 1.001841).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam về NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố đối với các hợp đồng có giá trị từ 500.000 USD trở lên.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 Quyết định số 17/2004/QĐ-NHNN ngày 05 tháng 01 năm 2004 của Thống đốc NHNN Việt Nam ban hành Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia; sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 29/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc NHNN Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

2. Nhóm các thủ tục: Chấp thuận hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước (mã TTHC: 1.003499); Chấp thuận hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường quốc tế (mã TTHC: 1.003485); Chấp thuận cho phép thực hiện có thời hạn các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và quốc tế (mã TTHC: 1.003475); Cho phép gia hạn thực hiện các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và quốc tế (mã TTHC: 2.001357).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ NHNN Việt Nam về NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố đối với các đối tượng là chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quy mô nhỏ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 4, 11, 12, 19, 20, 36 Thông tư số 21/2014/TT-NHNN ngày 14 tháng 8 năm 2014 của NHNN Việt Nam hướng dẫn về phạm vi hoạt động ngoại hối, điều kiện, trình tự, thủ tục chấp thuận hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo hướng quy định thẩm quyền của các NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố giải quyết/chấp thuận cụ thể đối với trường hợp đối tượng thực hiện là chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quy mô nhỏ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

3. Nhóm các thủ tục: Đăng ký tài khoản truy cập Trang điện tử quản lý vay, trả nợ nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh (mã TTHC: 1.000122); tục Đăng ký thay đổi thông tin tài khoản truy cập Trang điện tử quản lý vay, trả nợ nước ngoài (mã TTHC: 1.000116).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ NHNN Việt Nam về NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố nơi Bên đi vay đặt trụ sở chính thực hiện, không phân biệt giá trị các khoản vay.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 8 Thông tư số 03/2016/TT-NHNN ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Thống đốc NHNN Việt Nam hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

4. Nhóm các thủ tục: Đăng ký khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh (mã TTHC: 1.000972); Đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh (mã TTHC: 1.000111).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền quyết định TTHC từ NHNN Việt Nam về NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố nơi Bên đi vay đặt trụ sở chính việc xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi các khoản vay bằng đồng Việt Nam có kim ngạch vay quy đổi đến 10 (mười) triệu USD của Bên đi vay là Tổ chức tài chính vi mô hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vay từ nguồn lợi nhuận được chia bằng đồng Việt Nam từ hoạt động đầu tư trực tiếp của Bên cho vay là nhà đầu tư nước ngoài góp vốn tại Bên đi vay.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 18 Thông tư số 03/2016/TT-NHNN ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Thống đốc NHNN Việt Nam hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022

B. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

1. Thủ tục Tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện (mã TTHC: 1.001201).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ NHNN Việt Nam về NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 3, khoản 2 Điều 4, khoản 2, 3 Điều 14 Thông tư số 43/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định về tổ chức và hoạt động của phòng giao dịch bưu điện trực thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

2. Thủ tục Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh do thay đổi địa giới hành chính (không thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh) của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (mã TTHC: 1.001655).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ NHNN Việt Nam (Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) về NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 13 Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định về mạng lưới của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

3. Nhóm các thủ tục: Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (mã TTHC: 1.001668); Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (mã TTHC: 1.001650);

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng về Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4, điểm a, b khoản 3 Điều 13, khoản 2, 3 Điều 18 Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định về mạng lưới của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

4. Nhóm các thủ tục: Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh của Ngân hàng hợp tác xã (mã TTHC: 1.000527); Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã do thay đổi địa giới hành chính (không thay đổi địa điểm đặt trụ sở) của ngân hàng hợp tác xã (mã TTHC: 1.000516).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng về Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 4 Điều 18 Thông tư số 09/2018/TT-NHNN ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng là hợp tác xã.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

5. Nhóm các thủ tục: Chấp thuận thay đổi tên của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (mã TTHC: 1.003292); Chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính (mã TTHC: 1.003288); Chấp thuận thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính (không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính) của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (mã TTHC: 1.003266).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ NHNN Việt Nam về Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5, khoản 2, 6 Điều 6 Thông tư số 25/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

6. Nhóm các thủ tục: Đề nghị chấp thuận thay đổi tên của tổ chức tài chính vi mô (mã TTHC: 1.001591); Đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô (mã TTHC: 1.001537).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ NHNN Việt Nam về Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Thông tư số 10/2018/TT-NHNN ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

Phụ lục XX

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA THANH TRA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

LĨNH VỰC THANH TRA

1. Thủ tục Cấp mới Thẻ Thanh tra (mã TTHC: 2.001800).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Tổng Thanh tra Chính phủ về Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 Nghị định số 97/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ quy định về thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra; sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3, điểm b khoản 3 Điều 4, khoản 3 Điều 6, khoản 1 Điều 7, điểm b, c khoản 3 Điều 8, điểm c, d khoản 2 Điều 9, điểm a khoản 2 Điều 12 Thông tư số 01/2012/TT-TTCP ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Tổng Thanh tra Chính phủ Quy định mẫu và việc quản lý, sử dụng Thẻ Thanh tra.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022

2. Thủ tục Cấp lại Thẻ Thanh tra (mã TTHC: 1.004409).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Tổng Thanh tra Chính phủ về Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 Nghị định số 97/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ quy định về thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra; sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3, điểm b khoản 3 Điều 4, khoản 3 Điều 6, khoản 1 Điều 7, điểm b, c khoản 3 Điều 8, điểm c, d khoản 2 Điều 9, điểm a khoản 2 Điều 12 Thông tư số 01/2012/TT-TTCP ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Tổng Thanh tra Chính phủ Quy định mẫu và việc quản lý, sử dụng Thẻ Thanh tra.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022

3. Thủ tục Đổi Thẻ Thanh tra (mã TTHC: 1.004410).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Tổng Thanh tra Chính phủ về Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 Nghị định số 97/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ quy định về thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra; sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3, điểm b khoản 3 Điều 4, khoản 3 Điều 6, khoản 1 Điều 7, điểm b, c khoản 3 Điều 8, điểm c, d khoản 2 Điều 9, điểm a khoản 2 Điều 12 Thông tư số 01/2012/TT-TTCP ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Tổng Thanh tra Chính phủ Quy định mẫu và việc quản lý, sử dụng Thẻ Thanh tra.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

Phụ lục XXI

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA ỦY BAN DÂN TỘC

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

LĨNH VỰC CÔNG TÁC DÂN TỘC

1. Thủ tục Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (mã TTHC: 1.004875).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền quyết định TTHC từ UBND cấp tỉnh về UBND cấp huyện sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh, cơ quan công an cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các ngành chức năng liên quan.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 4, khoản 1, 2 Điều 6 và khoản 7 Điều 8 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2022.

2. Thủ tục Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (mã TTHC: 1.004888).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền quyết định TTHC từ UBND cấp tỉnh về UBND cấp huyện sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh, cơ quan công an cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các ngành chức năng liên quan.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 4, khoản 3 Điều 6 và khoản 7 Điều 8 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2022.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng